

**CHỦ TỊCH NƯỚC**

**LỆNH của Chủ tịch nước số 19/2002/  
L-CTN ngày 15/11/2002 về việc  
công bố Pháp lệnh Tổ chức Viện  
Kiểm sát quân sự.**

**CHỦ TỊCH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA  
VIỆT NAM**

*Căn cứ vào Điều 103 và Điều 106 của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 51/2001/QH10 ngày 25 tháng 12 năm 2001 của Quốc hội Khóa X, kỳ họp thứ 10;*

*Căn cứ vào Điều 19 của Luật Tổ chức Quốc hội;*

*Căn cứ vào Điều 51 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật,*

**NAY CÔNG BỐ:**

**Pháp lệnh Tổ chức Viện Kiểm sát quân sự.**

**Đã được Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Khóa XI thông qua ngày 04 tháng 11 năm 2002./.**

**Chủ tịch  
nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa  
Việt Nam**

**TRẦN ĐỨC LƯƠNG**

**PHÁP LỆNH Tổ chức Viện kiểm sát  
quân sự**

(số 05/2002/PL-UBTVQH11 ngày 04/11/2002).

*Căn cứ vào Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 51/2001/QH10 ngày 25 tháng 12 năm 2001 của Quốc hội Khóa X, kỳ họp thứ 10;*

*Căn cứ vào Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân;*

*Pháp lệnh này quy định về tổ chức và hoạt động của Viện kiểm sát quân sự.*

**Chương I****NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1.** Các Viện kiểm sát quân sự thuộc hệ thống Viện kiểm sát nhân dân được tổ chức trong Quân đội nhân dân Việt Nam để thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp trong Quân đội.

Trong phạm vi chức năng của mình, Viện kiểm sát quân sự có nhiệm vụ góp phần bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa và quyền làm chủ của nhân dân; bảo vệ an ninh quốc phòng, kỷ luật và sức mạnh chiến đấu của Quân đội; bảo vệ tài sản của Nhà nước, của tập thể, bảo vệ tính mạng, sức khỏe, tài sản, tự do, danh dự và nhân phẩm của quân nhân, công chức, công nhân quốc phòng và của các công dân khác; bảo đảm để mọi hành vi xâm phạm lợi ích của Nhà nước, của tập thể, quyền và lợi ích hợp pháp của quân nhân, công chức, công nhân quốc phòng và của công dân khác đều phải được xử lý theo pháp luật.



**Điều 2.** Viện kiểm sát quân sự thực hiện chức năng, nhiệm vụ bằng những công tác sau đây:

1. Thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc điều tra các vụ án hình sự của các cơ quan điều tra và các cơ quan khác được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra đối với các vụ án thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án quân sự;

2. Điều tra một số loại tội xâm phạm hoạt động tư pháp mà người phạm tội là cán bộ thuộc các cơ quan tư pháp trong Quân đội;

3. Thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc xét xử các vụ án hình sự của Tòa án quân sự;

4. Kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc thi hành bản án, quyết định của Tòa án quân sự;

5. Kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc tạm giữ, tạm giam, quản lý và giáo dục người chấp hành án phạt tù do các cơ quan tư pháp trong Quân đội đảm nhiệm.

**Điều 3.** Viện kiểm sát quân sự có trách nhiệm tiếp nhận và giải quyết kịp thời các khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền; kiểm sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo về các hoạt động tư pháp của các cơ quan tư pháp trong Quân đội theo quy định của pháp luật.

**Điều 4.** Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình, Viện kiểm sát quân sự có quyền ra quyết định, kháng nghị, kiến nghị, yêu cầu và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các văn bản đó.

Trong trường hợp các văn bản nói trên trái pháp luật thì tùy theo tính chất và mức độ sai phạm mà người ra văn bản bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Các quyết định, kháng nghị, kiến nghị, yêu cầu

của Viện kiểm sát quân sự phải được các đơn vị vũ trang nhân dân, cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan thực hiện nghiêm chỉnh theo quy định của pháp luật.

**Điều 5.** Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình, Viện kiểm sát quân sự có trách nhiệm phối hợp với Tòa án quân sự, Cơ quan điều tra, Thanh tra quốc phòng, các đơn vị vũ trang nhân dân, các cơ quan khác của Nhà nước, các tổ chức để phòng ngừa và chống tội phạm có hiệu quả, xử lý kịp thời, nghiêm minh các loại tội phạm hình sự và vi phạm pháp luật trong hoạt động tư pháp; tuyên truyền, giáo dục pháp luật; tham gia xây dựng pháp luật; bồi dưỡng cán bộ; nghiên cứu tội phạm và vi phạm pháp luật.

**Điều 6.** Viện kiểm sát quân sự có trách nhiệm tiếp nhận các tin báo, tố giác về tội phạm do các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân chuyển đến.

Người chỉ huy các cấp phải kịp thời thông báo các hành vi phạm tội xảy ra ở cơ quan, đơn vị mình cho Viện kiểm sát quân sự nơi gần nhất.

Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình, các Viện kiểm sát quân sự chịu trách nhiệm thực hiện việc thống kê tội phạm; các cơ quan tiến hành tố tụng khác của Quân đội có trách nhiệm phối hợp với Viện kiểm sát quân sự trong việc thực hiện nhiệm vụ này.

**Điều 7.** Viện kiểm sát quân sự do Viện trưởng lãnh đạo. Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự cấp dưới chịu sự lãnh đạo của Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự cấp trên; Viện kiểm sát quân sự các cấp chịu sự lãnh đạo thống nhất của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Viện kiểm sát quân sự cấp trên có trách nhiệm kiểm tra, phát hiện và khắc phục kịp thời vi phạm pháp luật của Viện kiểm sát quân sự cấp dưới. Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự cấp trên có quyền rút, đình chỉ hoặc hủy bỏ các quyết định



không có căn cứ và trái pháp luật của Viện kiểm sát quân sự cấp dưới.

Tại Viện kiểm sát quân sự trung ương, Viện kiểm sát quân sự quân khu và tương đương thành lập Ủy ban Kiểm sát để thảo luận và quyết định theo đa số những vấn đề quan trọng theo quy định của pháp luật.

**Điều 8.** Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự trung ương là Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao do Chủ tịch nước bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức theo đề nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao sau khi thống nhất với Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

Các Phó Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự trung ương do Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức theo đề nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự trung ương sau khi thống nhất với Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát quân sự trung ương là Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tối cao do Chủ tịch nước bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức theo đề nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Viện trưởng, Phó Viện trưởng, Kiểm sát viên Viện kiểm sát quân sự quân khu và tương đương, Viện trưởng, Phó Viện trưởng, Kiểm sát viên Viện kiểm sát quân sự khu vực do Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức theo đề nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự trung ương.

Điều tra viên Viện kiểm sát quân sự trung ương do Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức theo đề nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự trung ương.

Phó Viện trưởng giúp Viện trưởng làm nhiệm

vụ theo sự phân công của Viện trưởng. Khi Viện trưởng vắng mặt, một Phó Viện trưởng được Viện trưởng ủy nhiệm thay mặt lãnh đạo công tác của Viện kiểm sát quân sự. Phó Viện trưởng chịu trách nhiệm trước Viện trưởng về nhiệm vụ được giao.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát quân sự làm nhiệm vụ do Viện trưởng cấp mình phân công theo Pháp lệnh Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân.

**Điều 9.** Cơ quan chính trị quân khu và tương đương mỗi năm một lần tổ chức Hội nghị đại biểu quân nhân trong đơn vị mình và các đơn vị đóng quân trên địa bàn để Viện kiểm sát quân sự cùng cấp báo cáo tình hình tội phạm trong Quân đội, hoạt động của Viện kiểm sát quân sự và trả lời những câu hỏi của các đại biểu.

Viện kiểm sát quân sự có trách nhiệm trả lời chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân về hoạt động của Viện kiểm sát quân sự liên quan đến địa phương.

**Điều 10.** Khi phát hiện quyết định, kháng nghị, kiến nghị, yêu cầu và hành vi khác của Kiểm sát viên, Điều tra viên Viện kiểm sát quân sự không có căn cứ hoặc trái pháp luật, cơ quan nhà nước, tổ chức, đơn vị vũ trang nhân dân có quyền yêu cầu, kiến nghị, khiếu nại; cá nhân có quyền kiến nghị, khiếu nại, tố cáo với Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự cùng cấp, Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự cấp trên hoặc với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Cơ quan, người nhận được yêu cầu, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo có trách nhiệm giải quyết và trả lời theo quy định của pháp luật.

Nghiêm cấm việc trả thù người khiếu nại, tố cáo hoặc lợi dụng quyền khiếu nại, tố cáo để vu khống Kiểm sát viên, Điều tra viên Viện kiểm sát quân sự.



**Điều 11.** Kiểm sát viên, Điều tra viên Viện Kiểm sát quân sự phải tôn trọng nhân dân và chịu sự giám sát của nhân dân.

Khi thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Kiểm sát viên, Điều tra viên Viện kiểm sát quân sự liên hệ và phối hợp với các cơ quan nhà nước, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận, các tổ chức xã hội khác, tổ chức kinh tế, đơn vị vũ trang nhân dân và cá nhân.

Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có trách nhiệm tạo điều kiện để Kiểm sát viên, Điều tra viên Viện kiểm sát quân sự thực hiện nhiệm vụ.

Nghiêm cấm mọi hành vi gây cản trở Kiểm sát viên, Điều tra viên Viện kiểm sát quân sự thực hiện nhiệm vụ.

## *Chương II*

### **CÁC CÔNG TÁC THỰC HIỆN CHỨC NĂNG CỦA VIỆN KIỂM SÁT QUÂN SỰ**

#### **Mục 1. THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ VÀ KIỂM SÁT ĐIỀU TRA CÁC VỤ ÁN HÌNH SỰ**

**Điều 12.** Viện kiểm sát quân sự thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc điều tra các vụ án hình sự của các cơ quan điều tra và các cơ quan khác được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra trong Quân đội nhằm bảo đảm:

1. Mọi hành vi phạm tội đều phải được khởi tố, điều tra và xử lý kịp thời, không để lọt tội phạm và người phạm tội, không làm oan người vô tội;

2. Không để người nào bị khởi tố, bị bắt, bị tạm giữ, tạm giam, bị hạn chế các quyền công dân, bị xâm phạm tính mạng, sức khỏe, tài sản, tự do, danh dự và nhân phẩm một cách trái pháp luật;

3. Việc điều tra phải khách quan, toàn diện, đầy đủ, chính xác, đúng pháp luật; những vi phạm pháp luật trong quá trình điều tra phải được phát hiện, khắc phục kịp thời và xử lý nghiêm minh;

4. Việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị can phải có căn cứ và đúng pháp luật.

**Điều 13.** Khi thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra, Viện kiểm sát quân sự có những nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

1. Khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can; yêu cầu Cơ quan điều tra khởi tố hoặc thay đổi quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can;

2. Đề ra yêu cầu điều tra và yêu cầu Cơ quan điều tra tiến hành điều tra; trực tiếp tiến hành một số hoạt động điều tra theo quy định của pháp luật;

3. Yêu cầu Thủ trưởng cơ quan điều tra thay đổi Điều tra viên theo quy định của pháp luật; nếu hành vi của Điều tra viên có dấu hiệu tội phạm thì khởi tố về hình sự;

4. Quyết định áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp bắt, tạm giữ, tạm giam và các biện pháp ngăn chặn khác; phê chuẩn, không phê chuẩn các quyết định của Cơ quan điều tra theo quy định của pháp luật;

5. Hủy bỏ các quyết định trái pháp luật của Cơ quan điều tra;

6. Quyết định việc truy tố bị can; quyết định đình chỉ hoặc tạm đình chỉ điều tra; đình chỉ hoặc tạm đình chỉ vụ án.

**Điều 14.** Khi thực hiện công tác kiểm sát điều



tra, Viện kiểm sát quân sự có những nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

1. Kiểm sát việc khởi tố; kiểm sát các hoạt động điều tra và việc lập hồ sơ vụ án của cơ quan điều tra;

2. Kiểm sát việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng;

3. Giải quyết các tranh chấp về thẩm quyền điều tra theo quy định của pháp luật;

4. Yêu cầu Cơ quan điều tra khắc phục các vi phạm pháp luật trong hoạt động điều tra; yêu cầu Thủ trưởng cơ quan điều tra xử lý nghiêm minh Điều tra viên đã vi phạm pháp luật trong khi tiến hành điều tra;

5. Kiến nghị với cơ quan, đơn vị, tổ chức hữu quan áp dụng các biện pháp phòng ngừa tội phạm và vi phạm pháp luật.

#### **Điều 15.**

1. Viện trưởng, Phó Viện trưởng, Kiểm sát viên Viện kiểm sát quân sự phải nghiêm chỉnh thực hiện những quy định của pháp luật và phải chịu trách nhiệm về những hành vi, quyết định của mình trong việc khởi tố, bắt, giam, giữ, truy tố và các quyết định khác theo quy định của pháp luật.

2. Cơ quan điều tra, các cơ quan, đơn vị vũ trang nhân dân, tổ chức và cá nhân có liên quan có trách nhiệm thực hiện nghiêm chỉnh các quyết định và yêu cầu của Viện kiểm sát quân sự theo quy định của pháp luật.

### **Mục 2. THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ VÀ KIỂM SÁT XÉT XỬ CÁC VỤ ÁN HÌNH SỰ**

**Điều 16.** Trong giai đoạn xét xử các vụ án

hình sự, Viện kiểm sát quân sự có trách nhiệm thực hành quyền công tố, bảo đảm việc truy tố đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không để lọt tội phạm và người phạm tội; kiểm sát việc xét xử các vụ án hình sự của Tòa án quân sự, nhằm bảo đảm việc xét xử đúng pháp luật, nghiêm minh, kịp thời.

**Điều 17.** Khi thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử các vụ án hình sự, Viện kiểm sát quân sự có những nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

1. Đọc cáo trạng, quyết định của Viện kiểm sát quân sự liên quan đến việc giải quyết vụ án tại phiên tòa;

2. Thực hiện việc luận tội đối với bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm, phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa phúc thẩm; tranh luận với người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm;

3. Phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát quân sự về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa giám đốc thẩm, tái thẩm.

**Điều 18.** Khi thực hiện công tác kiểm sát xét xử các vụ án hình sự, Viện kiểm sát quân sự có những nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

1. Kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động xét xử của Tòa án quân sự;

2. Kiểm sát việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng;

3. Kiểm sát các bản án và quyết định của Tòa án quân sự theo quy định của pháp luật;

4. Yêu cầu Tòa án quân sự cung cấp và cấp dưới chuyển hồ sơ những vụ án hình sự để xem xét, quyết định việc kháng nghị.

**Điều 19.** Khi thực hành quyền công tố và kiểm



sát xét xử các vụ án hình sự, Viện kiểm sát quân sự có quyền kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm các bản án, quyết định của Tòa án quân sự theo quy định của pháp luật; kiến nghị với Tòa án quân sự cùng cấp và cấp dưới khắc phục vi phạm pháp luật trong việc xét xử; kiến nghị với cơ quan, đơn vị, tổ chức hữu quan áp dụng các biện pháp phòng ngừa tội phạm và vi phạm pháp luật; nếu có dấu hiệu tội phạm thì khởi tố về hình sự.

### **Mục 3. KIỂM SÁT VIỆC THI HÀNH ÁN**

**Điều 20.** Viện kiểm sát quân sự kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Tòa án quân sự, Cơ quan thi hành án, Chấp hành viên, cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan trong việc thi hành bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật và những bản án, quyết định được thi hành ngay theo quy định của pháp luật nhằm bảo đảm các bản án, quyết định đó được thi hành đúng pháp luật, đầy đủ, kịp thời.

**Điều 21.** Khi thực hiện công tác kiểm sát thi hành án, Viện kiểm sát quân sự có những nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

1. Yêu cầu Tòa án quân sự, Cơ quan thi hành án cùng cấp và cấp dưới, Chấp hành viên, các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan đến việc thi hành án:

a) Ra quyết định thi hành án đúng quy định của pháp luật;

b) Tự kiểm tra việc thi hành bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật và những bản án, quyết định được thi hành ngay theo quy định của pháp luật và thông báo kết quả kiểm tra cho Viện kiểm sát quân sự;

c) Thi hành bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật và những bản án, quyết định được thi hành ngay theo quy định của pháp luật;

d) Cung cấp hồ sơ, tài liệu, vật chứng có liên quan đến việc thi hành án.

2. Trực tiếp kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc thi hành án của Cơ quan thi hành án cùng cấp và cấp dưới, Chấp hành viên, các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan và việc giải quyết kháng cáo, khiếu nại, tố cáo đối với việc thi hành án.

3. Tham gia việc xét giảm thời hạn chấp hành hình phạt, xóa án tích.

4. Đề nghị miễn chấp hành hình phạt theo quy định của pháp luật.

5. Kháng nghị với Tòa án quân sự, Cơ quan thi hành án cùng cấp và cấp dưới, Chấp hành viên, cơ quan, đơn vị, tổ chức có trách nhiệm trong việc thi hành án; yêu cầu đình chỉ việc thi hành, sửa đổi hoặc bãi bỏ quyết định có vi phạm pháp luật trong việc thi hành án, chấm dứt việc làm vi phạm pháp luật trong việc thi hành án; nếu có dấu hiệu tội phạm thì khởi tố về hình sự.

**Điều 22.** Tòa án quân sự, Cơ quan thi hành án, Chấp hành viên, cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan đến việc thi hành án có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu quy định tại khoản 1 Điều 21 của Pháp lệnh này trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu.

Đối với kháng nghị quy định tại khoản 5 Điều 21 của Pháp lệnh này, Tòa án quân sự, Cơ quan thi hành án, Chấp hành viên, cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan có trách nhiệm trả lời trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được kháng nghị.



**Mục 4. KIỂM SÁT VIỆC TẠM GIỮ, TẠM GIAM, QUẢN LÝ VÀ GIÁO DỤC NGƯỜI CHẤP HÀNH ÁN PHẠT TÙ**

**Điều 23.** Viện kiểm sát quân sự kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc tạm giữ, tạm giam, quản lý và giáo dục người chấp hành hình phạt tù do các cơ quan tư pháp trong Quân đội đảm nhiệm nhằm bảo đảm:

1. Việc tạm giữ, tạm giam, quản lý và giáo dục người chấp hành án phạt tù theo đúng quy định của pháp luật;

2. Chế độ tạm giữ, tạm giam, quản lý và giáo dục người chấp hành án phạt tù được chấp hành nghiêm chỉnh;

3. Tính mạng, tài sản, danh dự, nhân phẩm của người bị tạm giữ, tạm giam, người chấp hành án phạt tù và các quyền khác của họ không bị pháp luật tước bỏ được tôn trọng.

**Điều 24.** Khi thực hiện công tác kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam, quản lý và giáo dục người chấp hành án phạt tù do các cơ quan tư pháp trong Quân đội đảm nhiệm, Viện kiểm sát quân sự có những nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

1. Thường kỳ và bất thường trực tiếp kiểm sát tại nhà tạm giữ, trại tạm giam và trại giam;

2. Kiểm tra hồ sơ, tài liệu của cơ quan cùng cấp và cấp dưới có trách nhiệm tạm giữ, tạm giam, quản lý và giáo dục người chấp hành án phạt tù; gặp, hỏi người bị tạm giữ, tạm giam và người chấp hành án phạt tù về việc giam, giữ;

3. Tiếp nhận và giải quyết khiếu nại, tố cáo về việc tạm giữ, tạm giam, quản lý và giáo dục người chấp hành án phạt tù;

4. Yêu cầu cơ quan cùng cấp và cấp dưới quản lý nơi tạm giữ, tạm giam, quản lý và giáo dục

người chấp hành án phạt tù kiểm tra những nơi đó và thông báo kết quả cho Viện kiểm sát quân sự;

5. Yêu cầu cơ quan cùng cấp, cấp dưới và người có trách nhiệm thông báo tình hình tạm giữ, tạm giam, quản lý và giáo dục người chấp hành án phạt tù; trả lời về quyết định, biện pháp hoặc việc làm vi phạm pháp luật trong việc tạm giữ, tạm giam, quản lý và giáo dục người chấp hành án phạt tù;

6. Kháng nghị với cơ quan cùng cấp và cấp dưới yêu cầu đình chỉ việc thi hành, sửa đổi hoặc bãi bỏ quyết định có vi phạm pháp luật trong việc tạm giữ, tạm giam, quản lý và giáo dục người chấp hành án phạt tù, chấm dứt việc làm vi phạm pháp luật và yêu cầu xử lý người vi phạm pháp luật.

**Điều 25.** Trong quá trình kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam, quản lý và giáo dục người chấp hành án phạt tù do các cơ quan tư pháp trong Quân đội đảm nhiệm, Viện kiểm sát quân sự có trách nhiệm:

1. Phát hiện và xử lý kịp thời các trường hợp oan, sai trong tạm giữ, tạm giam, quản lý và giáo dục người chấp hành án phạt tù; quyết định trả tự do ngay cho người bị tạm giữ, tạm giam, người đang chấp hành án phạt tù không có căn cứ và trái pháp luật;

2. Khi phát hiện có dấu hiệu tội phạm trong việc tạm giữ, tạm giam, quản lý và giáo dục người chấp hành án phạt tù thì khởi tố hoặc yêu cầu Cơ quan điều tra khởi tố về hình sự.

**Điều 26.** Cơ quan, đơn vị và người có trách nhiệm trong việc tạm giữ, tạm giam, quản lý và giáo dục người chấp hành án phạt tù phải chuyển cho Viện kiểm sát quân sự khiếu nại, tố cáo của người bị tạm giữ, tạm giam, người chấp hành án phạt tù trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi nhận được khiếu nại, tố cáo.



Đối với các yêu cầu quy định tại khoản 4 và khoản 5 Điều 24 của Pháp lệnh này, cơ quan, đơn vị và người có trách nhiệm phải trả lời trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu.

Đối với quyết định quy định tại khoản 1 Điều 25 của Pháp lệnh này, cơ quan, đơn vị hoặc người có trách nhiệm phải chấp hành ngay; nếu không nhất trí với quyết định đó thì vẫn phải chấp hành, nhưng có quyền khiếu nại lên Viện kiểm sát quân sự cấp trên trực tiếp. Trong thời hạn mười ngày, kể từ ngày nhận được khiếu nại, Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự cấp trên trực tiếp phải giải quyết.

Đối với kháng nghị quy định tại khoản 6 Điều 24 của Pháp lệnh này, cơ quan, đơn vị hữu quan có trách nhiệm trả lời trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được kháng nghị; nếu không nhất trí với kháng nghị đó thì cơ quan, đơn vị hữu quan có quyền khiếu nại lên Viện kiểm sát quân sự cấp trên trực tiếp; Viện kiểm sát quân sự cấp trên trực tiếp phải giải quyết trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được khiếu nại. Quyết định của Viện kiểm sát quân sự cấp trên trực tiếp phải được chấp hành.

### *Chương III*

## **TỔ CHỨC CỦA VIỆN KIỂM SÁT QUÂN SỰ**

**Điều 27.** Các Viện kiểm sát quân sự gồm có Viện kiểm sát quân sự trung ương, các Viện kiểm sát quân sự quân khu và tương đương, các Viện kiểm sát quân sự khu vực.

Căn cứ vào nhiệm vụ và tổ chức của Quân đội trong từng thời kỳ, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao thống nhất với Bộ trưởng Bộ

Quốc phòng và trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định việc thành lập và giải thể Viện kiểm sát quân sự quân khu và tương đương, Viện kiểm sát quân sự khu vực.

### **Điều 28.**

1. Viện kiểm sát quân sự trung ương thuộc cơ cấu Viện kiểm sát nhân dân tối cao, thực hiện chức năng của Viện kiểm sát nhân dân tối cao trong Quân đội.

2. Cơ cấu tổ chức của Viện kiểm sát quân sự trung ương gồm có Ủy ban Kiểm sát, các phòng và Văn phòng.

3. Viện kiểm sát quân sự trung ương gồm có Viện trưởng, các Phó Viện trưởng, Kiểm sát viên, Điều tra viên.

### **Điều 29.**

1. Ủy ban Kiểm sát Viện kiểm sát quân sự trung ương gồm có:

a) Viện trưởng;

b) Các Phó Viện trưởng;

c) Một số Kiểm sát viên Viện kiểm sát quân sự trung ương do Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao quyết định theo đề nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự trung ương.

2. Ủy ban Kiểm sát Viện kiểm sát quân sự trung ương họp do Viện trưởng chủ trì để thảo luận và quyết định những vấn đề quan trọng sau đây:

a) Phương hướng, nhiệm vụ, kế hoạch công tác của Viện kiểm sát quân sự;

b) Báo cáo của Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự trung ương trước Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về công tác của Viện kiểm sát quân sự;



c) Kiến nghị của Viện kiểm sát quân sự trung ương về việc đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm trong Quân đội gửi Bộ trưởng Bộ Quốc phòng;

d) Những vụ án hình sự quan trọng;

đ) Những vấn đề quan trọng khác do ít nhất một phần ba tổng số thành viên Ủy ban Kiểm sát yêu cầu.

Nghị quyết của Ủy ban Kiểm sát phải được quá nửa tổng số thành viên biểu quyết tán thành; trong trường hợp biểu quyết ngang nhau thì thực hiện theo phía có ý kiến của Viện trưởng. Nếu Viện trưởng không nhất trí với ý kiến của đa số thành viên Ủy ban Kiểm sát thì thực hiện theo quyết định của đa số, nhưng có quyền báo cáo Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

**Điều 30.** Căn cứ vào pháp luật, quyết định và chỉ thị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao về công tác kiểm sát và mệnh lệnh của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về nhiệm vụ của Quân đội, Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự trung ương có những nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

1. Lãnh đạo việc thực hiện nhiệm vụ, kế hoạch công tác kiểm sát và xây dựng Viện kiểm sát quân sự về mọi mặt; quyết định những vấn đề về công tác kiểm sát không thuộc thẩm quyền của Ủy ban Kiểm sát; chịu trách nhiệm và báo cáo công tác kiểm sát trong Quân đội trước Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao;

2. Hướng dẫn, chỉ đạo và kiểm tra hoạt động của Viện kiểm sát quân sự các cấp; tổ chức thực hiện việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của Viện kiểm sát quân sự;

3. Tổ chức việc thống kê tội phạm trong Quân đội;

4. Thực hiện các công tác khác theo quy định của pháp luật.

### **Điều 31.**

1. Cơ cấu tổ chức của Viện kiểm sát quân sự quân khu và tương đương gồm có Ủy ban Kiểm sát, các ban và bộ máy giúp việc.

2. Viện kiểm sát quân sự quân khu và tương đương gồm có Viện trưởng, các Phó Viện trưởng và các Kiểm sát viên.

### **Điều 32.**

1. Ủy ban kiểm sát Viện kiểm sát quân sự quân khu và tương đương gồm có:

a) Viện trưởng;

b) Các Phó Viện trưởng;

c) Một số Kiểm sát viên Viện kiểm sát quân sự quân khu và tương đương do Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự trung ương quyết định theo đề nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự quân khu và tương đương.

2. Ủy ban Kiểm sát Viện kiểm sát quân sự quân khu và tương đương họp do Viện trưởng chủ trì để thảo luận và quyết định những vấn đề quan trọng sau đây:

a) Việc thực hiện phương hướng, nhiệm vụ, kế hoạch công tác của Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự trung ương;

b) Báo cáo tổng kết công tác với Viện kiểm sát quân sự trung ương;

c) Những vụ án hình sự quan trọng;

d) Những vấn đề quan trọng khác do Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự trung ương quy định.

Nghị quyết của Ủy ban Kiểm sát phải được quá nửa tổng số thành viên Ủy ban Kiểm sát biểu quyết tán thành; trong trường hợp biểu



quyết ngang nhau thì thực hiện theo phía có ý kiến của Viện trưởng. Nếu Viện trưởng không nhất trí với ý kiến của đa số thành viên Ủy ban Kiểm sát thì thực hiện theo quyết định của đa số, nhưng có quyền báo cáo Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự trung ương.

Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự quân khu và tương đương quyết định những vấn đề không thuộc thẩm quyền của Ủy ban Kiểm sát.

### **Điều 33.**

1. Viện kiểm sát quân sự khu vực gồm có các bộ phận công tác và bộ máy giúp việc do Viện trưởng, các Phó Viện trưởng phụ trách.

2. Viện kiểm sát quân sự khu vực gồm có Viện trưởng, các Phó Viện trưởng và các Kiểm sát viên.

**Điều 34.** Bộ máy làm việc của Viện kiểm sát quân sự trung ương do Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao quy định sau khi thống nhất với Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội phê chuẩn.

Bộ máy làm việc của Viện kiểm sát quân sự quân khu và tương đương, bộ máy làm việc của Viện kiểm sát quân sự khu vực do Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao quy định theo đề nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự trung ương sau khi thống nhất với Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

## *Chương IV*

### **KIỂM SÁT VIÊN, ĐIỀU TRA VIÊN**

### **Điều 35.**

1. Kiểm sát viên Viện kiểm sát quân sự được bổ nhiệm theo quy định của pháp luật để làm

nhiệm vụ thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp trong Quân đội:

2. Điều tra viên Viện kiểm sát quân sự trung ương được bổ nhiệm theo quy định của pháp luật để làm nhiệm vụ điều tra tội phạm trong Quân đội.

**Điều 36.** Sĩ quan Quân đội tại ngũ có đủ tiêu chuẩn theo quy định của Pháp lệnh Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thì có thể được bổ nhiệm làm Kiểm sát viên Viện kiểm sát quân sự; có đủ tiêu chuẩn theo quy định của Pháp lệnh Tổ chức điều tra hình sự thì có thể được bổ nhiệm làm Điều tra viên Viện kiểm sát quân sự trung ương.

Tiêu chuẩn cụ thể, thủ tục tuyển chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Kiểm sát viên Viện kiểm sát quân sự theo quy định của Pháp lệnh Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân.

Tiêu chuẩn cụ thể, thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Điều tra viên Viện kiểm sát quân sự trung ương theo quy định của Pháp lệnh Tổ chức điều tra hình sự.

**Điều 37.** Nhiệm kỳ của Kiểm sát viên Viện kiểm sát quân sự, Điều tra viên Viện kiểm sát quân sự trung ương là năm năm.

### **Điều 38.**

1. Khi thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn do Viện trưởng phân công, Kiểm sát viên Viện kiểm sát quân sự phải tuân theo pháp luật và chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự cấp mình, sự lãnh đạo thống nhất của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Nhiệm vụ, quyền hạn của Kiểm sát viên Viện kiểm sát quân sự do pháp luật quy định.

2. Khi thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn do Thủ



trưởng cơ quan điều tra phân công, Điều tra viên Viện kiểm sát quân sự trung ương phải tuân theo pháp luật và chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Thủ trưởng cơ quan điều tra, sự lãnh đạo thống nhất của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Nhiệm vụ, quyền hạn của Điều tra viên Viện kiểm sát quân sự trung ương do pháp luật quy định.

#### **Điều 39.**

1. Viện trưởng, Phó Viện trưởng, Kiểm sát viên Viện kiểm sát quân sự, Điều tra viên Viện kiểm sát quân sự trung ương phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình; nếu có hành vi vi phạm pháp luật thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

2. Viện trưởng, Phó Viện trưởng, Kiểm sát viên Viện kiểm sát quân sự, Điều tra viên Viện kiểm sát quân sự trung ương trong khi thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn mà gây ra thiệt hại thì Viện kiểm sát quân sự nơi những người đó công tác phải có trách nhiệm bồi thường và người đã gây ra thiệt hại có trách nhiệm bồi hoàn cho Viện kiểm sát quân sự theo quy định của pháp luật.

#### *Chương V*

#### **BẢO ĐẢM HOẠT ĐỘNG CỦA VIỆN KIỂM SÁT QUÂN SỰ**

**Điều 40.** Biên chế, số lượng Kiểm sát viên, Điều tra viên của Viện kiểm sát quân sự do Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định theo đề nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao sau khi thống nhất với Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

**Điều 41.** Quân nhân, công chức, công nhân quốc phòng làm việc ở Viện kiểm sát quân sự có các quyền, nghĩa vụ theo chế độ của Quân đội; được hưởng chế độ phụ cấp đối với ngành kiểm sát.

Giấy chứng minh và chế độ ưu tiên đối với Kiểm sát viên Viện kiểm sát quân sự, Điều tra viên Viện kiểm sát quân sự trung ương khi thực hiện nhiệm vụ do Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định.

#### **Điều 42.**

1. Kinh phí hoạt động của các Viện kiểm sát quân sự do Bộ Quốc phòng phối hợp với Viện kiểm sát nhân dân tối cao lập dự toán và đề nghị Chính phủ trình Quốc hội quyết định.

2. Việc quản lý, cấp và sử dụng kinh phí hoạt động của các Viện kiểm sát quân sự được thực hiện theo pháp luật về ngân sách nhà nước.

3. Nhà nước ưu tiên đầu tư phát triển công nghệ thông tin và các phương tiện khác để bảo đảm cho các Viện kiểm sát quân sự thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của mình.

#### *Chương VI*

#### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 43.** Pháp lệnh này có hiệu lực từ ngày 15 tháng 11 năm 2002.

Pháp lệnh này thay thế Pháp lệnh Tổ chức Viện kiểm sát quân sự ngày 26 tháng 4 năm 1993.

Những quy định trước đây trái với Pháp lệnh này đều bãi bỏ.

**Điều 44.** Chính phủ, Viện kiểm sát nhân dân tối cao trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của



mình có trách nhiệm hướng dẫn thi hành Pháp lệnh này./.

TM. Ủy ban Thường vụ Quốc hội  
Chủ tịch

NGUYỄN VĂN AN

**LỆNH của Chủ tịch nước số 20/2002/  
L-CTN ngày 15/11/2002 về việc  
công bố Pháp lệnh Tổ chức Tòa  
án quân sự.**

CHỦ TỊCH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA  
VIỆT NAM

*Căn cứ vào Điều 103 và Điều 106 của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 51/2001/QH10 ngày 25 tháng 12 năm 2001 của Quốc hội Khóa X, kỳ họp thứ 10;*

*Căn cứ vào Điều 19 của Luật Tổ chức Quốc hội;*

*Căn cứ vào Điều 51 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật,*

NAY CÔNG BỐ:

Pháp lệnh Tổ chức Tòa án quân sự.

Đã được Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Khóa XI thông qua ngày 04 tháng 11 năm 2002./.

Chủ tịch  
nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

TRẦN ĐỨC LƯƠNG

**PHÁP LỆNH Tổ chức tòa án quân sự**

(số 04/2002/PL-UBTVQH11 ngày 04/11/2002).

*Căn cứ vào Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 51/2001/QH10 ngày 25 tháng 12 năm 2001 của Quốc hội Khóa X, kỳ họp thứ 10;*

*Căn cứ vào Luật Tổ chức Tòa án nhân dân;*

*Pháp lệnh này quy định về tổ chức và hoạt động của các Tòa án quân sự.*

*Chương I*

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1.** Các Tòa án quân sự là những cơ quan xét xử của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thuộc hệ thống Tòa án nhân dân được tổ chức trong Quân đội.

Trong phạm vi chức năng của mình, các Tòa án quân sự có nhiệm vụ bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa; bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa và quyền làm chủ của nhân dân; bảo vệ an ninh quốc phòng, kỷ luật và sức mạnh chiến đấu của Quân đội; bảo vệ tài sản của Nhà nước, của tập thể; bảo vệ tính mạng, sức khỏe, tài sản, tự do, danh dự, nhân phẩm của quân nhân, công chức, công nhân quốc phòng và của các công dân khác.

Bằng hoạt động của mình, các Tòa án quân sự góp phần giáo dục quân nhân, công chức, công nhân quốc phòng trung thành với Tổ quốc, chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật, điều lệnh của Quân đội, tôn trọng những quy tắc của cuộc sống xã hội, ý thức đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm, các vi phạm pháp luật khác.